

Số: 693 /QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 31 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 416/KH-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh về việc rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2022 - 2025;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh và Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 93/TTr-STNMT-QLĐĐ ngày 10 tháng 3 năm 2023; Giám đốc Sở Ngoại vụ tại Tờ trình số 424 /TTr- SNgV ngày 17 tháng 3 năm 2023; Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 884/TTr-SXD ngày 21 tháng 3 năm 2023; Giám đốc Sở Văn hoá và Thể thao tại Tờ trình số 614/TTr-SVHTT ngày 27 tháng 3 năm 2023; Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 966/TTr-STC ngày 28 tháng 3 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 15 thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế. *(Có Phụ lục kèm theo)*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế; UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (VBĐT, đề b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử (để đăng tải);
- Lưu: VT, KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Bình

Phụ lục
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ TRONG TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
(Kèm theo Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	Thu hồi quỹ đất của các Ban quản lý rừng, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp bàn giao cho địa phương	Đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường
2	Thủ tục xuất cảnh của cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thừa Thiên Huế	Hoạt động di trú của công dân Việt Nam ra nước ngoài	Sở Ngoại vụ
3	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch vùng	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	Sở Xây dựng
4	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch xây dựng khu chức năng	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	Sở Xây dựng
5	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	Sở Xây dựng
6	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch vùng	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	Sở Xây dựng
7	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch xây dựng khu chức năng	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	Sở Xây dựng
8	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch đô thị	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	Sở Xây dựng
9	Thẩm định điều chỉnh (cục bộ) quy hoạch	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	Sở Xây dựng
10	Lấy ý kiến góp ý nhiệm vụ quy hoạch	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	Sở Xây dựng
11	Lấy ý kiến góp ý đồ án quy hoạch	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	Sở Xây dựng
12	Thủ tục thông báo tuyên truyền nhiệm vụ chính trị	Văn hóa	Sở Văn hóa và Thể thao

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
13	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu	Đấu thầu	Sở Tài chính
14	Phê duyệt quyết toán dự án đầu tư công hoàn thành, hạng mục công trình hoàn thành, dự án đầu tư công dừng thực hiện vĩnh viễn có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị	Đầu tư	Sở Tài chính
15	Phê duyệt quyết toán dự án đầu tư hoàn thành đối với dự án nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư sử dụng vốn đầu tư công, dự án dừng thực hiện vĩnh viễn chưa có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị.	Đầu tư	Sở Tài chính

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG TTHC

I. LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI

1. Thu hồi quỹ đất của các Ban quản lý rừng, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp bàn giao cho địa phương

a) Trình tự thực hiện:

- Các Ban quản lý rừng phòng hộ, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp có trách nhiệm kiểm tra, rà soát quỹ đất đề nghị thu hồi và thực hiện việc thanh lý rừng (nếu có) theo đúng quy định hiện hành;

- Các Ban quản lý rừng phòng hộ, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp hoàn thiện hồ sơ gửi Sở Tài nguyên và Môi trường. Văn thư Sở nhập vào phần mềm hồ sơ công việc tại Hệ thống văn bản điều hành và chuyển xử lý.

- Trong thời gian không quá 15 (Mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra, rà soát tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi đất và giao đất cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

- Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định thu hồi và giao đất cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

- Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định thu hồi và giao đất cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Tờ trình của các Ban quản lý rừng phòng hộ, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp (bản chính);
- Bản đồ địa chính (ranh giới) khu đất (bản chính);
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (nếu có) (bản sao có chứng thực);
- Văn bản liên quan đến việc thực hiện xong việc thanh lý rừng (nếu có) (bản sao có chứng thực);
- Văn bản xác nhận hoàn thành nghĩa vụ tài chính có liên quan đến việc sử dụng đất (nếu có) (bản sao có chứng thực).

Số lượng: 02 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, Cơ quan chuyên môn thuộc Sở Tài nguyên và môi trường thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.
- Trong thời gian không quá 15 (Mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra, rà soát tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi đất và giao đất cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các Ban quản lý rừng phòng hộ, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của UBND tỉnh.

h). Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 118/2014/ND-CP ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp;
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính

phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

- Quyết định số 47/2022/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của UBND tỉnh Ban hành Quy định về quản lý, sử dụng đất lâm nghiệp sau khi thu hồi của các Ban quản lý rừng phòng hộ, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp và đất lâm nghiệp do Ủy ban nhân dân cấp xã đang quản lý trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

II. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG DI TRÚ CỦA CÔNG DÂN VIỆT NAM RA NƯỚC NGOÀI

1. Thủ tục xuất cảnh của cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thừa Thiên Huế

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cơ quan, đơn vị, cá nhân gửi đầy đủ hồ sơ xin phép xuất cảnh cho Ủy ban nhân dân tỉnh đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Ngoại vụ tỉnh Thừa Thiên Huế. Thời hạn ít nhất là 06 ngày làm việc trước ngày dự kiến xuất cảnh.

- Bước 2: Sở Ngoại vụ tiếp nhận và thẩm định hồ sơ của các cơ quan, đơn vị, cá nhân, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc xuất cảnh của cán bộ, công chức, viên chức.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Sở Ngoại vụ.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

1. Danh sách trích ngang của cán bộ được cử đi công tác nước ngoài trong đó nêu rõ các thông tin sau: Họ và tên; Ngày sinh; Chức vụ; Số hộ chiếu; Ngày cấp; Mã ngạch; Hệ số lương.

2. Trường hợp kinh phí do phía mời tài trợ thì phải đính kèm thư mời của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước hoặc nước ngoài. Nếu thư mời bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch sang tiếng Việt có chứng thực.

3. Trường hợp các đối tượng xuất cảnh thuộc diện quản lý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thì phải được sự đồng ý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy bằng văn bản

4. Văn bản đồng ý của Sở Nội vụ (Nếu cán bộ, công chức, viên chức xin đi đào tạo ở nước ngoài từ Thạc sỹ trở lên).

5. Văn bản cho phép hoặc cử cán bộ, công chức, viên chức đi nước ngoài của các cơ quan, đơn vị quản lý cán bộ, công chức, viên chức (văn bản phải có chữ ký trực tiếp của lãnh đạo và đóng dấu của cơ quan).

6. Trường hợp đối tượng xuất cảnh thuộc Điều 10 Quyết định số

48/2022/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh ban hành về Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức tỉnh Thừa Thiên Huế thì phải được sự đồng ý của lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh bằng văn bản.

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Sở Ngoại vụ: 03 ngày làm việc; UBND tỉnh: 03 ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

1. Cán bộ, công chức làm việc tại các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn.

3. Viên chức làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau đây gọi chung là Sở), chi cục và tương đương thuộc Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

4. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu và người làm việc trong các tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập.

5. Chủ tịch Hội đồng thành viên; Chủ tịch công ty (đối với công ty không có Hội đồng thành viên); Thành viên Hội đồng thành viên; Tổng Giám đốc; Giám đốc; Phó Tổng Giám đốc; Phó Giám đốc; Kế toán trưởng tại các Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và phần vốn nhà nước đầu tư; Doanh nghiệp do Nhà nước nắm trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết; doanh nghiệp do Nhà nước nắm không quá 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc được giao quản lý theo quy định của pháp luật.

6. Cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại các Hội được giao biên chế.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan tham mưu: Sở Ngoại vụ tỉnh Thừa Thiên Huế

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Thừa Thiên Huế

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không có

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Quyết định số 78/2021/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về Ban hành Quy chế quản lý việc xuất cảnh, nhập cảnh của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Quyết định số 132-QĐ/TU ngày 01 tháng 03 năm 2021 của Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế về việc ban hành Quy chế Quản lý thống nhất các hoạt động

đối ngoại tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Thông tư số 04/2020/TT-BNG ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Bộ Ngoại giao Hướng dẫn việc cấp, gia hạn, hủy giá trị sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ và cấp công hàm đề nghị phía nước ngoài cấp thị thực;

- Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành về Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Quyết định số 65/2021/QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc Ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026.

III. LĨNH VỰC QUY HOẠCH XÂY DỰNG, KIẾN TRÚC

1. Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch vùng

a) Trình tự thực hiện:

- Cơ quan đề nghị thẩm định gửi hồ sơ đề nghị thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch vùng đến Sở Xây dựng tại Khu Hành chính tập trung tỉnh Thừa Thiên Huế, đường Võ Nguyên Giáp, phường Xuân Phú, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; hoặc gửi hồ sơ điện tử qua Hệ thống Quản lý văn bản điều hành của tỉnh.

- Trường hợp hồ sơ không đảm bảo theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Sở Xây dựng có văn bản thông báo trả hồ sơ gửi đến Cơ quan đề nghị thẩm định.

- Sở Xây dựng tổ chức thẩm định trong 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Sở Xây dựng trình UBND tỉnh phê duyệt sau khi hoàn thành việc thẩm định.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến (nếu có) tại Sở Xây dựng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

- Tờ trình đề nghị thẩm định; *(theo Điểm 1 Điều 27 Nghị định 44)*
- Thuyết minh nội dung nhiệm vụ bao gồm các bản vẽ in màu thu nhỏ; *(theo Điểm 1 Điều 27 Nghị định 44)*

- Dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ; *(theo Điểm 1 Điều 27 Nghị định 44)*

- Các văn bản pháp lý có liên quan; *(theo Điểm 1 Điều 27 Nghị định 44)*

- Văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung nhiệm vụ quy hoạch; *(theo Điểm 1 Điều 27 Nghị định 44)*

- Hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng; *(theo Điểm 1 Điều 27 Nghị định 44)*

- Văn bản chủ trương thống nhất của Cơ quan có thẩm quyền cho phép

lập quy hoạch;

- Văn bản của Hội đồng nhân dân về nhiệm vụ quy hoạch; (theo Điểm 4 Điều 34 Luật Xây dựng).

- Đĩa CD (USB) lưu thuyết minh nội dung nhiệm vụ, bản vẽ và file scan các văn bản liên quan.

* **Số lượng hồ sơ:** 02 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (theo Điều 26 Nghị định số 44)

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế; Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển đô thị; Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản thẩm định và Dự thảo Quyết định phê duyệt.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Theo quy định tại Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng;
- Luật Quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;
- Quyết định 73/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh Quy định phân công, phân cấp và ủy quyền công tác quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch xây dựng khu chức năng

a) Trình tự thực hiện:

- Cơ quan đề nghị thẩm định gửi hồ sơ đề nghị thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch xây dựng khu chức năng đến Sở Xây dựng tại Khu Hành chính tập trung tỉnh Thừa Thiên Huế, đường Võ Nguyên Giáp, phường Xuân Phú, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; hoặc gửi hồ sơ điện tử qua Hệ thống Quản lý văn bản điều hành của tỉnh.

- Trường hợp hồ sơ không đảm bảo theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Sở Xây dựng có văn bản thông báo trả hồ sơ gửi đến Cơ quan đề nghị thẩm định.

- Sở Xây dựng tổ chức thẩm định trong 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Sở Xây dựng trình UBND tỉnh phê duyệt sau khi hoàn thành việc thẩm định.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến (nếu có) tại Sở Xây dựng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị thẩm định; *(theo Điểm 1 Điều 27 Nghị định 44)*

- Thuyết minh nội dung nhiệm vụ bao gồm các bản vẽ in màu thu nhỏ; *(theo Điểm 1 Điều 27 Nghị định 44)*

- Dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ; *(theo Điểm 1 Điều 27 Nghị định 44)*

- Các văn bản pháp lý có liên quan; *(theo Điểm 1 Điều 27 Nghị định 44)*

- Văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung nhiệm vụ quy hoạch; *(theo Điểm 1 Điều 27 Nghị định 44)*

- Hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng; *(theo Điểm 1 Điều 27 Nghị định 44)*

- Văn bản chủ trương thống nhất của Cơ quan có thẩm quyền cho phép lập quy hoạch;

- Văn bản của Hội đồng nhân dân về nhiệm vụ quy hoạch; *(theo Điểm 4 Điều 34 Luật Xây dựng)*

- Đĩa CD (USB) lưu thuyết minh nội dung nhiệm vụ, bản vẽ và file scan các văn bản liên quan.

Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. *(theo Điều 26 Nghị định số 44)*

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế; Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển đô thị; Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản thẩm định và Dự thảo Quyết định phê duyệt.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Theo quy định tại Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng;
- Luật Quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;
- Quyết định 73/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh Quy định phân công, phân cấp và ủy quyền công tác quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị

a) Trình tự thực hiện:

- Cơ quan đề nghị thẩm định gửi hồ sơ đề nghị thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị đến Sở Xây dựng tại Khu Hành chính tập trung tỉnh Thừa Thiên Huế, đường Võ Nguyên Giáp, phường Xuân Phú, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; hoặc gửi hồ sơ điện tử qua Hệ thống Quản lý văn bản điều hành của tỉnh.
- Trường hợp hồ sơ không đảm bảo theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Sở Xây dựng có văn bản thông báo trả hồ sơ gửi đến Cơ quan đề nghị thẩm định.
- Sở Xây dựng tổ chức thẩm định trong 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Sở Xây dựng trình UBND tỉnh phê duyệt sau khi hoàn thành việc thẩm định.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến (nếu có) tại Sở Xây dựng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị thẩm định; *(theo Điểm 1 Điều 33 Nghị định 37)*
- Thuyết minh nội dung nhiệm vụ; *(theo Điểm 1 Điều 33 Nghị định 37)*
- Dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ; *(theo Điểm 1 Điều 33 Nghị định 37)*
- Bản vẽ in màu thu nhỏ; *(theo Điểm 1 Điều 33 Nghị định 37)*
- Các văn bản pháp lý có liên quan; *(theo Điểm 1 Điều 33 Nghị định 37)*
- Văn bản chủ trương thống nhất của Cơ quan có thẩm quyền cho phép lập quy hoạch;
- Văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư

có liên quan về nội dung nhiệm vụ quy hoạch. (*Điều 20 Luật Quy hoạch đô thị*)

- Văn bản của Hội đồng nhân dân về nhiệm vụ quy hoạch; (*Điểm 6 Điều 44 Luật Quy hoạch đô thị*)

- Hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch;

- Đĩa CD (USB) lưu thuyết minh nội dung nhiệm vụ, bản vẽ và file scan các văn bản liên quan.

Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (*theo Điều 32 Nghị định 37*)

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế; Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển đô thị; Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản thẩm định và Dự thảo Quyết định phê duyệt.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Theo quy định tại Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng;

- Luật Quy hoạch đô thị;

- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

- Quyết định 73/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh Quy định phân công, phân cấp và ủy quyền công tác quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

4. Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch vùng

a) Trình tự thực hiện:

- Cơ quan đề nghị thẩm định gửi hồ sơ đề nghị thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch vùng đến Sở Xây dựng tại Khu Hành chính tập trung tỉnh Thừa Thiên Huế, đường Võ Nguyên Giáp, phường Xuân Phú, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; hoặc gửi hồ sơ điện tử qua Hệ thống Quản lý văn bản điều hành của tỉnh.

- Trường hợp hồ sơ không đảm bảo theo quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Sở Xây dựng có văn bản thông báo trả hồ sơ gửi đến Cơ quan đề nghị thẩm định.

- Sở Xây dựng tổ chức thẩm định trong 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Sở Xây dựng trình UBND tỉnh phê duyệt sau khi hoàn thành việc thẩm định và Cơ quan đề nghị thẩm định hoàn thiện, cung cấp đủ 10 bộ hồ sơ.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến (nếu có) tại Sở Xây dựng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị thẩm định đồ án; *(theo Điểm 2 Điều 27 Nghị định 44)*
- Thuyết minh tổng hợp bao gồm bản vẽ in màu thu nhỏ; *(theo Điểm 2 Điều 27 Nghị định 44)*
- Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng được duyệt; *(theo Điểm 2 Điều 27 Nghị định 44)*
- Dự thảo quyết định phê duyệt đồ án; *(theo Điểm 2 Điều 27 Nghị định 44)*
- Bản vẽ in màu đúng tỷ lệ quy định; *(theo Điểm 2 Điều 27 Nghị định 44)*
- Các văn bản pháp lý có liên quan; *(theo Điểm 2 Điều 27 Nghị định 44)*
- Văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung đồ án quy hoạch; *(theo Điểm 2 Điều 27 Nghị định 44)*
- Hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng; *(theo Điểm 2 Điều 27 Nghị định 44)*
- Đĩa CD (USB) sao lưu toàn bộ nội dung hồ sơ đồ án. *(theo Điểm 2 Điều 27 Nghị định 44)*

Số lượng hồ sơ: 02 bộ (hồ sơ trình phê duyệt: 10 bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. *(theo Điều 26 Nghị định số 44)*

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế; Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển đô thị; Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản thẩm định và Dự thảo Quyết định phê duyệt.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Theo quy định tại Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng;

- Luật Quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;
- Quyết định 73/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh Quy định phân công, phân cấp và ủy quyền công tác quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

5. Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch xây dựng khu chức năng

a) Trình tự thực hiện:

- Cơ quan đề nghị thẩm định gửi hồ sơ đề nghị thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch xây dựng khu chức năng đến Sở Xây dựng tại Khu Hành chính tập trung tỉnh Thừa Thiên Huế, đường Võ Nguyên Giáp, phường Xuân Phú, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; hoặc gửi hồ sơ điện tử qua Hệ thống Quản lý văn bản điều hành của tỉnh.
- Trường hợp hồ sơ không đảm bảo theo quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Sở Xây dựng có văn bản thông báo trả hồ sơ gửi đến Cơ quan đề nghị thẩm định.
- Sở Xây dựng tổ chức thẩm định trong 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Sở Xây dựng trình UBND tỉnh phê duyệt sau khi hoàn thành việc thẩm định và Cơ quan đề nghị thẩm định hoàn thiện, cung cấp đủ 10 bộ hồ sơ.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến (nếu có) tại Sở Xây dựng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị thẩm định đồ án; *(theo Điểm 2 Điều 27 Nghị định 44)*
- Thuyết minh tổng hợp bao gồm bản vẽ in màu thu nhỏ; *(theo Điểm 2 Điều 27 Nghị định 44)*
- Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng được duyệt; *(theo Điểm 2 Điều 27 Nghị định 44)*
- Dự thảo quyết định phê duyệt đồ án; *(theo Điểm 2 Điều 27 Nghị định 44)*
- Bản vẽ in màu đúng tỷ lệ quy định; *(theo Điểm 2 Điều 27 Nghị định 44)*
- Các văn bản pháp lý có liên quan; *(theo Điểm 2 Điều 27 Nghị định 44)*
- Văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung đồ án quy hoạch; *(theo Điểm 2 Điều 27 Nghị định 44)*

- Hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng; (theo Điểm 2 Điều 27 Nghị định 44)

- Đĩa CD (USB) sao lưu toàn bộ nội dung hồ sơ đồ án. (theo Điểm 2 Điều 27 Nghị định 44)

Số lượng hồ sơ: 02 bộ (hồ sơ trình phê duyệt: 10 bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (theo Điều 26 Nghị định số 44)

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế; Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển đô thị; Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản thẩm định và Dự thảo Quyết định phê duyệt.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Theo quy định tại Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng;
- Luật Quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;
- Quyết định 73/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh Quy định phân công, phân cấp và ủy quyền công tác quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

6. Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch đô thị

a) Trình tự thực hiện:

- Cơ quan đề nghị thẩm định gửi hồ sơ đề nghị thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch đô thị đến Sở Xây dựng tại Khu Hành chính tập trung tỉnh Thừa Thiên Huế, đường Võ Nguyên Giáp, phường Xuân Phú, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; hoặc gửi hồ sơ điện tử qua Hệ thống Quản lý văn bản điều hành của tỉnh.

- Trường hợp hồ sơ không đảm bảo theo quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Sở Xây dựng có văn bản thông báo trả hồ sơ gửi đến Cơ quan đề nghị

thẩm định.

- Sở Xây dựng tổ chức thẩm định trong 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Sở Xây dựng trình UBND tỉnh phê duyệt sau khi hoàn thành việc thẩm định và Cơ quan đề nghị thẩm định hoàn thiện, cung cấp đủ 10 bộ hồ sơ.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến (nếu có) tại Sở Xây dựng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị thẩm định đồ án; *(theo Điểm 2 Điều 33 Nghị định 37)*
- Thuyết minh nội dung đồ án bao gồm bản vẽ in màu thu nhỏ; *(theo Điểm 2 Điều 33 Nghị định 37)*
- Dự thảo quy định quản lý theo đồ án quy hoạch đô thị; *(theo Điểm 2 Điều 33 Nghị định 37)*
- Dự thảo quyết định phê duyệt đồ án; *(theo Điểm 2 Điều 33 Nghị định 37)*
- Các phụ lục tính toán kèm theo; *(theo Điểm 2 Điều 33 Nghị định 37)*
- Các bản vẽ in màu đúng tỷ lệ theo quy định; *(theo Điểm 2 Điều 33 Nghị định 37)*
- Các văn bản pháp lý có liên quan; *(theo Điểm 2 Điều 33 Nghị định 37)*
- Văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung đồ án quy hoạch; *(Điều 20 Luật Quy hoạch đô thị)*
- Văn bản ý kiến của Hội đồng nhân dân (đối với đồ án quy hoạch chung đô thị); *(theo Điểm 6 Điều 44 Luật Quy hoạch đô thị)*
- Hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng;
- Đĩa CD (USB) sao lưu toàn bộ nội dung hồ sơ đồ án quy hoạch và file scan các văn bản liên quan.

Số lượng hồ sơ: 02 bộ (hồ sơ trình phê duyệt: 10 bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. *(theo Điều 32 Nghị định 37)*

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế; Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển đô thị; Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản thẩm định và Dự thảo Quyết định phê duyệt.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Theo quy định tại Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng;
- Luật Quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;
- Quyết định 73/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh Quy định phân công, phân cấp và ủy quyền công tác quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

7. Thẩm định điều chỉnh (cục bộ) quy hoạch

a) Trình tự thực hiện:

- Cơ quan đề nghị thẩm định gửi hồ sơ đề nghị thẩm định điều chỉnh (cục bộ) quy hoạch đến Sở Xây dựng tại Khu Hành chính tập trung tỉnh Thừa Thiên Huế, đường Võ Nguyên Giáp, phường Xuân Phú, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; hoặc gửi hồ sơ điện tử qua Hệ thống Quản lý văn bản điều hành của tỉnh.
- Trường hợp hồ sơ không đảm bảo theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Sở Xây dựng có văn bản thông báo trả hồ sơ gửi đến Cơ quan đề nghị thẩm định.
- Sở Xây dựng tổ chức thẩm định trong 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Sở Xây dựng trình UBND tỉnh phê duyệt sau khi hoàn thành việc thẩm định và Cơ quan đề nghị thẩm định hoàn thiện, cung cấp đủ 10 bộ hồ sơ.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến (nếu có) tại Sở Xây dựng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần hồ sơ:

- Báo cáo của cơ quan tổ chức lập quy hoạch gửi cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch xây dựng, trong đó nêu rõ: Lý do, sự cần thiết thực hiện điều chỉnh cục bộ quy hoạch; nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch; phân tích, làm rõ tính liên tục, đồng bộ của toàn bộ đồ án quy hoạch và hiệu quả kinh tế - xã hội của việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch; xác định các chỉ tiêu quy hoạch đạt được sau khi điều chỉnh cục bộ quy hoạch, có so sánh với các chỉ tiêu quy hoạch đã được phê duyệt trước khi đề xuất điều chỉnh cục bộ; đánh giá tác động của việc điều chỉnh cục bộ đến việc triển khai thực hiện quy hoạch đã được phê duyệt; đề xuất biện pháp khắc phục các vấn đề mới nảy sinh do điều chỉnh cục

bộ; lộ trình, tiến độ thực hiện theo điều chỉnh quy hoạch cục bộ sau khi được cấp có thẩm quyền quyết định. Báo cáo phải kèm theo các văn bản pháp lý và tài liệu liên quan *(trong đó có nội dung xin ý kiến cộng đồng dân cư trong khu vực điều chỉnh quy hoạch và các khu vực xung quanh có ảnh hưởng trực tiếp đến khu vực điều chỉnh quy hoạch)*; (theo Khoản 2 Điều 37 Thông tư 04/2022/TT-BXD)

- Các bản vẽ thể hiện các nội dung gồm: vị trí, phạm vi ranh giới và quy mô khu vực điều chỉnh cục bộ; nội dung điều chỉnh cục bộ; xác định các chỉ tiêu quy hoạch đạt được sau khi điều chỉnh quy hoạch, có so sánh với các chỉ tiêu quy hoạch đã được phê duyệt; (theo Khoản 2 Điều 37 Thông tư 04/2022/TT-BXD)

- Dự thảo văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định việc Điều chỉnh cục bộ quy hoạch. (theo Khoản 2 Điều 37 Thông tư 04/2022/TT-BXD)

Số lượng hồ sơ: 02 bộ (hồ sơ trình phê duyệt: 10 bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế; Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển đô thị; Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản thẩm định và Dự thảo Quyết định phê duyệt.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng;
- Luật Quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;
- Quyết định 73/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh Quy định phân công, phân cấp và ủy quyền công tác quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

8. Lấy ý kiến góp ý nhiệm vụ quy hoạch

a) Trình tự thực hiện:

- Cơ quan đề nghị góp ý gửi hồ sơ đề nghị góp ý nhiệm vụ quy hoạch đến Sở Xây dựng tại Khu Hành chính tập trung tỉnh Thừa Thiên Huế, đường Võ

Nguyễn Giáp, phường Xuân Phú, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; hoặc gửi hồ sơ điện tử qua Hệ thống Quản lý văn bản điều hành của tỉnh.

- Trường hợp hồ sơ không đảm bảo theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Sở Xây dựng có văn bản thông báo trả hồ sơ gửi đến Cơ quan đề nghị.

- Sở Xây dựng tổ chức thẩm định trong 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, và gửi văn bản góp ý đến Cơ quan đề nghị.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến (nếu có) tại Sở Xây dựng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị góp ý Nhiệm vụ quy hoạch (bản chính); *(theo Điểm 1 Điều 27 Nghị định 44; Điểm 1 Điều 33 Nghị định 37)*

- Thuyết minh nội dung nhiệm vụ quy hoạch và các bản vẽ in màu thu nhỏ; *(theo Điểm 1 Điều 27 Nghị định 44; Điểm 1 Điều 33 Nghị định 37)*

- Dự thảo Quyết định phê duyệt Nhiệm vụ; *(theo Điểm 1 Điều 27 Nghị định 44; Điểm 1 Điều 33 Nghị định 37)*

- Các văn bản pháp lý có liên quan; *(theo Điểm 1 Điều 27 Nghị định 44; Điểm 1 Điều 33 Nghị định 37)*

- Văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung nhiệm vụ quy hoạch; *(theo Điều 16 Luật Xây dựng, Điều 20 Luật Quy hoạch đô thị)*

- Văn bản của HĐND về nhiệm vụ quy hoạch xây dựng; *(theo Điểm 4 Điều 34 Luật Xây dựng, Điểm 6 Điều 44 Luật Quy hoạch đô thị)*

- Hồ sơ pháp nhân của tổ chức tư vấn, chứng chỉ hành nghề của các cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm, chủ trì thiết kế.

Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế; Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển đô thị; Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản góp ý.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng;

- Luật Quy hoạch đô thị;

- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ

về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

- Quyết định số 73/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh Quy định phân công, phân cấp và ủy quyền công tác quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

9. Lấy ý kiến góp ý đồ án quy hoạch

a) Trình tự thực hiện:

- Cơ quan đề nghị góp ý gửi hồ sơ đề nghị góp ý đồ án quy hoạch đến Sở Xây dựng tại Khu Hành chính tập trung tỉnh Thừa Thiên Huế, đường Võ Nguyên Giáp, phường Xuân Phú, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; hoặc gửi hồ sơ điện tử qua Hệ thống Quản lý văn bản điều hành của tỉnh.

- Trường hợp hồ sơ không đảm bảo theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Sở Xây dựng có văn bản thông báo trả hồ sơ gửi đến Cơ quan đề nghị.

- Sở Xây dựng tổ chức thẩm định trong 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, và gửi văn bản góp ý đến Cơ quan đề nghị.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến (nếu có) tại Sở Xây dựng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị góp ý đồ án; *(theo Điểm 2 Điều 27 Nghị định 44; Điểm 2 Điều 33 Nghị định 37)*

- Thuyết minh nội dung đồ án bao gồm bản vẽ in màu thu nhỏ; *(theo Điểm 2 Điều 27 Nghị định 44; Điểm 2 Điều 33 Nghị định 37)*

- Dự thảo quy định quản lý theo đồ án quy hoạch đô thị; *(theo Điểm 2 Điều 27 Nghị định 44; Điểm 2 Điều 33 Nghị định 37)*

- Dự thảo quyết định phê duyệt đồ án; *(theo Điểm 2 Điều 27 Nghị định 44; Điểm 2 Điều 33 Nghị định 37)*

- Các phụ lục tính toán kèm theo; *(theo Điểm 2 Điều 27 Nghị định 44; Điểm 2 Điều 33 Nghị định 37)*

- Các bản vẽ in màu đúng tỷ lệ theo quy định; *(theo Điểm 2 Điều 27 Nghị định 44; Điểm 2 Điều 33 Nghị định 37)*

- Các văn bản pháp lý có liên quan; *(theo Điểm 2 Điều 27 Nghị định 44; Điểm 2 Điều 33 Nghị định 37)*

- Văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung đồ án quy hoạch xây dựng; *(theo Điều 16 Luật Xây dựng, Điều 20 Luật Quy hoạch đô thị)*

- Văn bản của Hội đồng nhân dân về đồ án quy hoạch xây dựng; (theo Điểm 4 Điều 34 Luật Xây dựng, Điểm 6 Điều 44 Luật Quy hoạch đô thị)

- Hồ sơ pháp nhân của tổ chức tư vấn, chứng chỉ hành nghề của các cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm, chủ trì thiết kế.

Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế; Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển đô thị; Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản góp ý.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng;
- Luật Quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;
- Quyết định số 73/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh Quy định phân công, phân cấp và ủy quyền công tác quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

IV. LĨNH VỰC VĂN HOÁ

1. Thủ tục thông báo tuyên truyền nhiệm vụ chính trị

a) Trình tự thực hiện:

- Cơ quan, đơn vị, tổ chức có nhu cầu thực hiện tuyên truyền trên màn hình điện tử, băng tuyên truyền, băng-rôn phải gửi thông báo nội dung tuyên truyền đến Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Thừa Thiên Huế trước khi thực hiện tuyên truyền 07 (bảy) ngày làm việc.

- Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày Sở Văn hóa và Thể thao xác nhận về việc nhận thông báo, nếu không có ý kiến trả lời thì tổ chức, cá nhân được thực hiện tuyên truyền đã thông báo. Trong trường hợp Sở Văn hóa

và Thể thao không đồng ý, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Trường hợp có hướng dẫn của Sở Văn hóa và Thể thao, các đơn vị thực hiện tuyên truyền chủ động làm việc với đơn vị quản lý địa điểm trước khi thực hiện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Sở Văn hóa và Thể thao (08 Lý Thường Kiệt, thành phố Huế).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:
- + Văn bản thông báo tuyên truyền
- + Maket, khẩu hiệu tuyên truyền.
- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị, tổ chức.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản hành chính

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

k) Yêu cầu, điều kiện:

- Hình thức tuyên truyền phải thực hiện theo quy định tại khoản 2, điều 5, Quyết định số 47/2020/QĐ-UBND ngày 25/8/2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quy định thực hiện hoạt động tuyên truyền nhiệm vụ chính trị trên địa bàn tỉnh.

- Việc đặt bảng tuyên truyền, băng-rôn phải tuân thủ quy định về khu vực bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa; hành lang an toàn giao thông, đê điều, lưới điện quốc gia; không được che khuất đèn tín hiệu giao thông, bảng chỉ dẫn công cộng; không được chằng ngang qua đường giao thông và phải tuân thủ quy định này. Chỉ được chằng ngang qua đường đối với quy định tại khoản 1 Điều 7 quy định này.

- Các hoạt động tuyên truyền, cổ động chính trị, chính sách xã hội trên màn hình điện tử, bảng tuyên truyền, băng-rôn có nội dung quảng cáo phải tuân theo những quy định sau:

+ Biểu trưng, lô-gô, nhãn hiệu hàng hóa của người quảng cáo phải đặt ở phía dưới cùng đối với bảng tuyên truyền, băng-rôn dọc và phía bên phải đối với băng-rôn ngang;

+ Diện tích thể hiện của biểu trưng, lô-gô, nhãn hiệu hàng hóa của người quảng cáo không quá 20% diện tích bảng tuyên truyền, băng-rôn.

+ Không được thực hiện nội dung quảng cáo đối với hoạt động tuyên truyền quy định tại Khoản 1, Điều 7, Quyết định số 47/2020/QĐ-UBND ngày 25/8/2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quy định thực hiện hoạt động tuyên truyền nhiệm vụ chính trị trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ được thực hiện tuyên truyền tại các vị trí, địa điểm được quy định tại Điều 7, Quyết định số 47/2020/QĐ-UBND ngày 25/8/2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quy định thực hiện hoạt động tuyên truyền nhiệm vụ chính trị trên địa bàn tỉnh.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Quyết định số 47/2020/QĐ-UBND ngày 25/08/2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quy định thực hiện hoạt động tuyên truyền nhiệm vụ chính trị trên địa bàn tỉnh.

V. LĨNH VỰC ĐẤU THẦU

1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

a) Trình tự thực hiện:

- Cơ quan, tổ chức chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của Pháp luật gửi đến Sở Tài chính tại số 01 Nguyễn Văn Huyền, Phường Phú Hội thành phố Huế.

- Sở Tài chính thẩm định hồ sơ trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt hồ sơ trong 05 ngày làm việc tính từ ngày nhận hồ sơ từ Sở Tài chính.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến (nếu có) tại Sở Tài chính.

Nộp hồ sơ:

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu của chủ đầu tư;

- Danh mục tài sản mua sắm;

- Quyết định phê duyệt dự án, dự toán (đối với tài sản mua sắm theo dự án, đề án được duyệt);

- Quyết định mua sắm của cấp có thẩm quyền;

- Văn bản thẩm định giá hàng hóa hoặc báo giá của ít nhất 3 đơn vị cung cấp hàng hóa khác nhau;

- Các văn bản liên quan đến nguồn vốn mua sắm;

- Các tài liệu khác (nếu có).

Số lượng hồ sơ: 02 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Không quá 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao thực hiện mua sắm tài sản phục vụ hoạt động thường xuyên.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Tài chính

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

h) Phí, lệ phí: Không có

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;
- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định chi tiết sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị- xã hội, tổ chức chính trị xã hội- nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội- nghề nghiệp;
- Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11/11/2022 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 quy định chi tiết sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị- xã hội, tổ chức chính trị xã hội- nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội- nghề nghiệp;
- Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/5/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;
- Quyết định số 42/2018/QĐ-UBND ngày 8/8/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định phân cấp quản lý tài sản nhà nước tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 19/01/2019 của UBND tỉnh về Ban hành Quy định việc lựa chọn nhà thầu để mua sắm tài sản công nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thừa Thiên Huế.

VI. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ

1. Phê duyệt quyết toán dự án đầu tư công hoàn hành, hạng mục công trình hoàn thành, dự án đầu tư công dừng thực hiện vĩnh viễn có khối lượng thi công xây dựng, lắp thiết bị

a) Trình tự thực hiện:

- Cơ quan, tổ chức chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của Pháp luật gửi đến Sở Tài chính tại số 01 Nguyễn Văn Huyền, Phường Phú Hội thành phố Huế.
- Thẩm tra và phê duyệt hồ sơ
 - + Trường hợp 1. Dự án nhóm A hoặc dự án quan trọng quốc gia
- Sở Tài chính thực hiện thẩm tra hồ sơ trong thời gian 08 tháng;
- Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt hồ sơ trong 15 ngày tính từ ngày nhận hồ sơ từ Sở Tài chính.
- + Trường hợp 2. Dự án nhóm B

Sở Tài chính thực hiện thẩm tra hồ sơ trong thời gian 04 tháng;
 Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt hồ sơ trong 15 ngày tính từ ngày nhận hồ sơ từ Sở Tài chính.

+ Trường hợp 3. Dự án nhóm C

Sở Tài chính thực hiện thẩm tra hồ sơ trong thời gian 03 tháng và phê duyệt hồ sơ trong 15 ngày;

+ Trường hợp 4. Dự án đầu tư công dừng thực hiện vĩnh viễn có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị.

Sở Tài chính thực hiện thẩm tra hồ sơ trong thời gian 03 tháng và phê duyệt hồ sơ trong 15 ngày.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến (nếu có) tại Sở Tài chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần hồ sơ:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành của chủ đầu tư (bản chính). Trường hợp kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán, tờ trình phải nêu rõ những nội dung thống nhất, nội dung không thống nhất và lý do không thống nhất giữa chủ đầu tư và kiểm toán độc lập. Trường hợp các cơ quan thực hiện chức năng thanh tra (sau đây gọi là thanh tra), kiểm tra. Kiểm toán nhà nước, cơ quan pháp luật đã thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra dự án, trong tờ trình chủ đầu tư phải nêu rõ việc chấp hành các kiến nghị, kết luận của các cơ quan trên.

b) Biểu mẫu báo cáo quyết toán theo quy định tại Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính gồm: Mẫu số 01/QTDA, Mẫu số 02/QTDA, Mẫu số 03/QTDA, Mẫu số 04/QTDA, Mẫu số 05/QTDA, Mẫu số 06/QTDA, Mẫu số 07/QTDA, Mẫu số 08/QTDA (bản chính).

c) Các văn bản pháp lý có liên quan (bản chính hoặc bản do chủ đầu tư sao y bản chính).

d) Hồ sơ quyết toán của từng hợp đồng gồm các tài liệu (bản chính hoặc do chủ đầu tư sao y bản chính): Hợp đồng và các phụ lục hợp đồng (nếu có); các biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo giai đoạn thanh toán; biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành toàn bộ hợp đồng; bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu (quyết toán A - B); biên bản thanh lý hợp đồng đối với trường hợp đã đủ điều kiện thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật về hợp đồng; các tài liệu khác theo thỏa thuận trong hợp đồng liên quan đến nội dung thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

đ) Biên bản nghiệm thu công trình hoặc hạng mục công trình độc lập hoàn thành đưa vào sử dụng (bản chính).

e) Báo cáo kiểm toán của đơn vị kiểm toán độc lập trong trường hợp thuê kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán (bản chính).

g) Báo cáo kiểm toán hoặc thông báo kết quả kiểm toán (sau đây gọi chung

là báo cáo kiểm toán), kết luận thanh tra, biên bản kiểm tra, quyết định xử lý vi phạm của các cơ quan Kiểm toán nhà nước, thanh tra, kiểm tra trong trường hợp các cơ quan này thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán dự án; kết quả điều tra của các cơ quan pháp luật trong trường hợp dự án có vi phạm pháp luật bị cơ quan pháp luật điều tra. Báo cáo của chủ đầu tư kèm các tài liệu liên quan về tình hình chấp hành các kiến nghị của các cơ quan nêu trên.

* Đối với hồ sơ của của các Dự án nhóm A hoặc dự án quan trọng quốc gia, Dự án nhóm B nộp kèm theo file điện tử của Tờ trình; báo cáo quyết toán; báo cáo kiểm toán độc lập (nếu có)

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

Lưu ý: Hồ sơ sẽ được hoàn lại sau khi được phê duyệt Quyết toán theo Khoản 1, Điều 14, Quyết định số 61/2022/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của UBND tỉnh.

d) Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp 1: Dự án nhóm A hoặc dự án quan trọng quốc gia: 08 tháng (thẩm tra); 15 ngày (Phê duyệt).

- Trường hợp 2: Dự án nhóm B: 04 tháng (thẩm tra); 15 ngày (Phê duyệt).

- Trường hợp 3: Dự án nhóm C: 03 tháng (thẩm tra); 15 ngày (Phê duyệt).

- Trường hợp 4: Dự án đầu tư công dừng thực hiện vĩnh viễn có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị: 03 tháng (thẩm tra); 15 ngày (Phê duyệt).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan Hành chính nhà nước.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Tài chính

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

h) Phí, lệ phí: Không có

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 01/QTDA, Mẫu số 02/QTDA, Mẫu số 03/QTDA, Mẫu số 04/QTDA, Mẫu số 05/QTDA, Mẫu số 06/QTDA, Mẫu số 07/QTDA, Mẫu số 08/QTDA.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

- Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính về Quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

- Quyết định số 61/2022/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về Ban hành Quy định thời hạn gửi báo cáo tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công định kỳ, báo cáo và thẩm định quyết toán vốn đầu tư công thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm, quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Mẫu số 01/QTDA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CHỦ ĐẦU TƯ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

Tổng hợp quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành

- Tên dự án: ...; Giá trị tổng mức đầu tư được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối: ... đồng.

- Tên dự án thành phần, tiểu dự án độc lập (nếu có): ...; Giá trị tổng mức đầu tư được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối: ... đồng.

- Tên công trình, hạng mục công trình độc lập (nếu có): ...; Giá trị dự toán được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối... đồng.

- Chủ đầu tư: ...

I. Vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư của dự án (dự án thành phần, tiểu dự án độc lập) hoặc dự toán (công trình, hạng mục công trình độc lập) được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Vốn kế hoạch được giao	Vốn đã giải ngân
	Tổng cộng			
1	Vốn đầu tư công			
1.1	Vốn ngân sách nhà nước			
	- Vốn ngân sách trung ương (ghi chi tiết vốn) + Vốn... + Vốn... - Vốn ngân sách địa phương			
1.2	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật			
2	Vốn khác (nếu có):			

2.1	Vốn...			
2.2	Vốn...			

II. Chi phí đầu tư:

Đơn vị: đồng

Số TT	Nội dung chi phí	Tổng mức đầu tư của dự án (dự án thành phần, tiểu dự án độc lập) hoặc dự toán (công trình, hạng mục công trình độc lập) được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị đề nghị quyết toán tăng (+), giảm (-) so với tổng mức đầu tư của dự án (dự án thành phần, tiểu dự án độc lập) hoặc dự toán (công trình, hạng mục công trình độc lập) được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối
1	2	3	4	5=4-3
	Tổng số			
1	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư			
2	Xây dựng			
3	Thiết bị			
4	Quản lý dự án			
5	Tư vấn			
6	Chi phí khác			
7	Dự phòng			

III. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:

Số TT	Nhóm	Giá trị tài sản (đồng)
	Tổng số	
1	Tài sản dài hạn (tài sản cố định)	
2	Tài sản ngắn hạn	

IV. Chi phí đầu tư không tính vào giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:

- Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng:
- Chi phí không tạo nên tài sản:

V. Thuyết minh báo cáo quyết toán:

- Tình hình thực hiện dự án:

- Thuận lợi, khó khăn:

- Những thay đổi nội dung của dự án so với quyết định đầu tư được phê duyệt:

+ Quy mô, kết cấu công trình, hình thức quản lý dự án, thay đổi chủ đầu tư, đấu thầu, vốn đầu tư, tổng mức đầu tư.

+ Những thay đổi về thiết kế kỹ thuật, dự toán được phê duyệt.

+ Những thay đổi về các nội dung chi phí đã thực hiện.

+ Thay đổi khác.

- Nhận xét, đánh giá thực hiện dự án:

- Chấp hành trình tự thủ tục quản lý dự án theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đến thực hiện dự án.

- Công tác quản lý vốn, tài sản trong quá trình đầu tư.

3. Kiến nghị để giải quyết các vướng mắc, tồn tại của dự án (nếu có):

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ
tên)

Mẫu số 02/QTDA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CHỦ ĐẦU TƯ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****DANH MỤC VĂN BẢN**

Số TT	Tên văn bản	Số, ngày, tháng, năm ban hành	Cơ quan ban hành	Ghi chú
I	Các văn bản pháp lý			
1	...			
2	...			
3	...			
...				
II	Hợp đồng, phụ lục Hợp đồng (nếu có)			
1	...			
2	...			
3	...			
...				
III	Kết luận của các cơ quan Thanh tra, Kiểm toán nhà nước, kiểm tra, kết quả điều tra của các cơ quan pháp luật (Trường hợp không có thì phải ghi cụ thể là “không có”)			
1	...			
2	...			
3	...			
....				

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

.... ngày... tháng... năm ...
CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 03/QTDA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU

Tên dự án: ...

Mã dự án: ...

Tên công trình, hạng mục công trình độc lập: ... (trường hợp quyết toán công trình, hạng mục công trình độc lập).

Chủ đầu tư: ...

Cơ quan kiểm soát, thanh toán: ...

I. Tình hình giải ngân:

Đơn vị: đồng

[illegible]

2.2	Năm ...										
	- Vốn....										
	- Vốn....										

II. Nhận xét, giải thích nguyên nhân chênh lệch, kiến nghị của cơ quan kiểm soát, thanh toán:

1. Nhận xét về việc chấp hành các quy định của nhà nước liên quan đến giải ngân, quyết toán:...

2. Giải thích nguyên nhân chênh lệch số liệu (nếu có):...

3. Kiến nghị: ...

Ngày... tháng... năm....

CHỦ ĐẦU TƯ

**KẾ TOÁN
TRƯỞNG**

(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG

Ký, đóng dấu, ghi rõ
họ tên)

Ngày... tháng... năm ...

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
KIỂM SOÁT, THANH
TOÁN**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Đối chiếu chi tiết vốn đã giải ngân đến thời điểm khóa sổ để lập báo cáo quyết toán của dự án. Trường hợp dự án có nhiều cơ quan kiểm soát, thanh toán, chủ đầu tư có trách nhiệm đối chiếu số liệu với từng cơ quan để tổng hợp báo cáo quyết toán của dự án

Mẫu số 04/QTDA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CHỦ ĐẦU TƯ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****CHI TIẾT CHI PHÍ ĐẦU TƯ ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN**

Đơn vị: đồng

Số TT	Nội dung chi phí	Tổng mức đầu tư của dự án (dự án thành phần, tiểu dự án độc lập) hoặc dự toán (công trình, hạng mục công trình) độc lập được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Dự toán (Tổng dự toán) được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Giá trị đề nghị quyết toán	Nguyên nhân tăng, giảm
1	2	3	4	5	6
Tổng số					
I	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư				
1	...				
...					
II	Xây dựng				
1	...				
...					
III	Thiết bị				
1	...				
....					
IV	Quản lý dự án				
V	Tư vấn				
1					

....					
VI	Chi phí khác				
1					
....					
VII	Dự phòng				

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày... tháng... năm....
CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: Tại cột 6 chủ đầu tư căn cứ các quy định của pháp luật về đầu tư công, xây dựng, đấu thầu, thanh tra, kiểm toán và các quy định khác của pháp luật liên quan đến thực hiện dự án để ghi rõ nguyên nhân tăng, giảm của cột 5 so với cột 3, 4 (chủ đầu tư ghi trực tiếp vào mẫu biểu hoặc lập thành Phụ lục riêng để ghi nội dung này)

Mẫu số 05/QTDA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CHỦ ĐẦU TƯ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****CHI TIẾT TÀI SẢN DÀI HẠN (TÀI SẢN CỐ ĐỊNH) MỚI TĂNG**

Số TT	Tên và ký hiệu tài sản; quy mô, công suất (riêng đối với thiết bị ghi rõ thêm chủng loại, xuất xứ, năm sản xuất)	Đơn vị tính	Số lượng	Giá đơn vị (đồng)	Tổng nguyên giá (đồng)	Ngày đưa tài sản dài hạn vào sử dụng	Loại vốn đầu tư hình thành tài sản	Đơn vị tiếp nhận sử dụng (nếu có)
1	...							
2	...							
...								

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

**KẾ TOÁN
TRƯỞNG**
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày... tháng... năm....
CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 06/QTDA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CHỦ ĐẦU TƯ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****CHI TIẾT TÀI SẢN NGẮN HẠN**

Số TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Giá đơn vị (đồng)	Giá trị (đồng)	Đơn vị tiếp nhận sử dụng (nếu có)
1						
2						
...						

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN**TRƯỞNG**

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày... tháng... năm....

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: Trường hợp không có nội dung phát sinh thì ghi cụ thể “không có” vào biểu.

Mẫu số 07/QTDA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CHỦ ĐẦU TƯ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****CHI TIẾT VẬT TƯ, THIẾT BỊ TỒN ĐỘNG**

Số TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Giá đơn vị (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị tiếp nhận hoặc xử lý theo quy định (nếu có)
I	Vật tư, thiết bị tồn đọng giao cho đơn vị tiếp nhận					
1						
2						
...						
II	Vật tư, thiết bị tồn đọng xử lý theo quy định					
1						
2						
...						

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN
TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày... tháng... năm....
CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: Trường hợp không có nội dung phát sinh thì ghi cụ thể “không có ” vào biểu.

Mẫu số 08/QTDA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CHỦ ĐẦU TƯ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****TÌNH HÌNH CÔNG NỢ CỦA DỰ ÁN**

Đơn vị: đồng

Số TT	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung công việc, hợp đồng thực hiện	Giá trị đề nghị quyết toán	Vốn đã giải ngân	Công nợ đến ngày khoá sổ lập báo cáo quyết toán		Ghi chú
					Phải trả	Phải thu	
1	2	3	4	5	6 = 4-5	7=5-4	8
1							
2							
...							
Tổng cộng							

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)**KẾ TOÁN TRƯỞNG**
(Ký, ghi rõ họ tên)Ngày... tháng... năm....
CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

*Ghi chú: Trường hợp không có nội dung phát sinh thì ghi cụ thể “không có ”
vào biểu.*

2. Phê duyệt quyết toán dự án đầu tư hoàn thành đối với dự án nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư sử dụng vốn đầu tư công, dự án dừng thực hiện vĩnh viễn chưa có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị

a) Trình tự thực hiện:

- Cơ quan, tổ chức chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của Pháp luật gửi đến Sở Tài chính tại số 01 Nguyễn Văn Huyền, Phường Phú Hội thành phố Huế.

- Thẩm tra và phê duyệt hồ sơ.

Sở Tài chính thực hiện thẩm tra hồ sơ trong thời gian 03 tháng.

Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt hồ sơ trong 15 ngày tính từ ngày nhận hồ sơ từ Sở Tài chính.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến (nếu có) tại Sở Tài chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần hồ sơ:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư (bản chính).

b) Biểu mẫu báo cáo quyết toán theo quy định tại Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính gồm: Mẫu số 03/QTDA, Mẫu số 08/QTDA, Mẫu số 09/QTDA (bản chính).

c) Các văn bản pháp lý có liên quan (bản chính hoặc bản do chủ đầu tư sao y bản chính).

d) Hồ sơ quyết toán của từng hợp đồng gồm bản chính các tài liệu (bản chính hoặc do chủ đầu tư sao y bản chính): Hợp đồng, các biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo giai đoạn thanh toán (trừ trường hợp chưa có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị); văn bản phê duyệt điều chỉnh, bổ sung, phát sinh, thay đổi (nếu có), biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo hợp đồng (nếu có), bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng (nếu có), biên bản thanh lý hợp đồng đối với trường hợp đã đủ điều kiện thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật về hợp đồng.

đ) Báo cáo kiểm toán của kiểm toán độc lập trong trường hợp kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán (bản chính).

Số lượng hồ sơ: 02 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Sở Tài chính thực hiện thẩm tra hồ sơ trong thời gian 03 tháng; Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt hồ sơ trong 15 ngày tính từ ngày nhận hồ sơ từ Sở Tài chính.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan Hành chính nhà nước.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài chính.

- Người/cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt quyết

toán dự án hoàn thành.

h) Phí, lệ phí: Không có

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 03/QTDA, Mẫu số 08/QTDA, Mẫu số 09/QTDA.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

- Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính về Quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

- Quyết định số 61/2022/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về Ban hành Quy định thời hạn gửi báo cáo tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công định kỳ, báo cáo và thẩm định quyết toán vốn đầu tư công thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm, quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Mẫu số 03/QTDA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU

Tên dự án: ...

Mã dư án: ...

Tên công trình, hạng mục công trình độc lập: ... (trường hợp quyết toán công trình, hạng mục công trình độc lập).

Chủ đầu tư: ...

Cơ quan kiểm soát, thanh toán: ...

I. Tình hình giải ngân:

Đơn vị: đồng

[illegible]

	- Vốn....										
	- Vốn....										
2.2	Năm ...										
	- Vốn....										
	- Vốn....										

II. Nhận xét, giải thích nguyên nhân chênh lệch, kiến nghị của cơ quan kiểm soát, thanh toán:

1. Nhận xét về việc chấp hành các quy định của nhà nước liên quan đến giải ngân, quyết toán:...
2. Giải thích nguyên nhân chênh lệch số liệu (nếu có):...
3. Kiến nghị: ...

Ngày... tháng... năm....

CHỦ ĐẦU TƯ

**KẾ TOÁN
TRƯỞNG**

(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG

Ký, đóng dấu, ghi rõ
họ tên)

Ngày... tháng... năm ...

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
KIỂM SOÁT, THANH
TOÁN**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Đối chiếu chi tiết vốn đã giải ngân đến thời điểm khóa sổ để lập báo cáo quyết toán của dự án. Trường hợp dự án có nhiều cơ quan kiểm soát, thanh toán, chủ đầu tư có trách nhiệm đối chiếu số liệu với từng cơ quan để tổng hợp báo cáo quyết toán của dự án

Mẫu số 08/QTDA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CHỦ ĐẦU TƯ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****TÌNH HÌNH CÔNG NỢ CỦA DỰ ÁN**

Đơn vị: đồng

Số TT	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung công việc, hợp đồng thực hiện	Giá trị đề nghị quyết toán	Vốn đã giải ngân	Công nợ đến ngày khoá sổ lập báo cáo quyết toán		Ghi chú
					Phải trả	Phải thu	
1	2	3	4	5	6 = 4-5	7=5-4	8
1							
2							
...							
Tổng cộng							

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN**TRƯỞNG**

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày... tháng... năm....

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: Trường hợp không có nội dung phát sinh thì ghi cụ thể “không có ” vào biểu.

Mẫu số 09/QTDA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CHỦ ĐẦU TƯ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày... tháng... năm...

BÁO CÁO

Quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành

Dự án:...

(Dùng cho dự án quy hoạch, chuẩn bị đầu tư và dự án bị dừng thực hiện vĩnh viễn không có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị được nghiệm thu)

I. Văn bản pháp lý:

Số TT	Tên văn bản	Số, ngày, tháng, năm ban hành	Tên cơ quan ban hành
I	Hồ sơ pháp lý		
1	Quyết định phê duyệt dự án, dự toán		
2	Chủ trương lập quy hoạch hoặc chuẩn bị đầu tư dự án		
3	Văn bản phê duyệt đề cương (đối với nhiệm vụ quy hoạch)		
4	Văn bản phê duyệt dự toán chi phí		
5	Văn bản phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch hoặc nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư		
6	Văn bản cho phép huỷ bỏ hoặc dừng thực hiện vĩnh viễn		
7	Các văn bản khác có liên quan		
	...		
II	Hợp đồng, phụ lục hợp đồng (nếu có)		
1	...		
...			
III	Kết luận của cơ quan Thanh tra, Kiểm toán nhà nước, kiểm tra, kết quả điều tra của các cơ quan pháp		

	luật (trường hợp không có thì phải ghi cụ thể là “ <i>không có</i> ”)		
1			
....			

II. Thực hiện đầu tư

1. Vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư của dự án (dự án thành phần, tiểu dự án độc lập) hoặc dự toán (công trình, hạng mục công trình độc lập) được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Vốn kế hoạch được giao	Vốn đã giải ngân
	Tổng cộng			
1	Vốn đầu tư công			
1.1	<i>Vốn ngân sách nhà nước</i>			
	- Vốn ngân sách trung ương (ghi chi tiết vốn) + <i>Vốn...</i> + <i>Vốn...</i> - Vốn ngân sách địa phương			
1.2	<i>Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật</i>			
2	Vốn khác (nếu có)			
2.1	<i>Vốn...</i>			
2.2	<i>Vốn...</i>			

2. Chi phí đầu tư:

Đơn vị: đồng

Số TT	Nội dung chi phí	Tổng mức đầu tư của dự án (dự án thành phần, tiểu dự án độc	Giá trị đề nghị quyết	Giá trị đề nghị quyết toán tăng (+), giảm (-) so với tổng mức đầu tư của
-------	------------------	---	-----------------------	--

		lập) hoặc dự toán (công trình, hạng mục công trình độc lập) được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	toán	dự án (dự án thành phần, tiểu dự án độc lập), dự toán (công trình, hạng mục công trình độc lập) được phê duyệt phê hoặc điều chỉnh lần cuối
1	2	3	4	5 = 4-3
	Tổng số			
1	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư			
2	Xây dựng			
3	Thiết bị			
4	Quản lý dự án			
5	Tư vấn			
6	Chi phí khác			
7	Dự phòng			

3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư (nếu có):

Số TT	Nhóm	Giá trị tài sản (đồng)
	Tổng số	
1	Tài sản dài hạn (tài sản cố định)	
2	Tài sản ngắn hạn	

4. Chi phí đầu tư không tính vào giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:

4.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng:

4.2. Chi phí không tạo nên tài sản:

5. Các nội dung khác: (nếu có).

III. Thuyết minh báo cáo quyết toán:

1. Tình hình thực hiện dự án:

- Thuận lợi, khó khăn:

- Những thay đổi nội dung của dự án so với quyết định đầu tư được phê duyệt:

+ Quy mô, kết cấu công trình, hình thức quản lý dự án, thay đổi chủ đầu tư, đấu thầu, vốn đầu tư, tổng mức đầu tư.

+ Những thay đổi về thiết kế kỹ thuật, dự toán được phê duyệt.

+ Những thay đổi về các nội dung chi phí đã thực hiện.

+ Thay đổi khác.

2. Nhận xét, đánh giá thực hiện dự án:

- Chấp hành trình tự thủ tục quản lý dự án theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đến thực hiện dự án.

- Công tác quản lý vốn, tài sản trong quá trình đầu tư.

3. Kiến nghị để giải quyết các vướng mắc, tồn tại của dự án (nếu có):

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN

TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ
tên)